

GIÁ TRỊ VÀ SỨC SỐNG BỀN VỮNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

**TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘNG LỰC
VÀ MỤC TIÊU CỦA TIẾN BỘ XÃ HỘI**

NGUYỄN MINH HOÀN (*)

Trong bài viết này, tác giả đã luận giải nhằm làm rõ quan niệm của Hồ Chí Minh về tiến bộ xã hội, về công bằng xã hội vừa là mục tiêu vừa là động lực của tiến bộ xã hội. Đặc biệt, tác giả còn phân tích quan niệm của Hồ Chí Minh về những điều kiện xã hội cần thiết để thực hiện được công bằng xã hội với tính cách mục tiêu của tiến bộ xã hội. Theo tác giả, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, công bằng xã hội là nội dung căn bản cho việc hiện thực hóa những giá trị, lý tưởng cao cả về tiến bộ xã hội.

Giải phóng con người, giải phóng xã hội và toàn thể nhân loại khỏi chế độ áp bức bất công, khỏi lao động bị tha hoá bằng sự chuyển sang hình thái kinh tế – xã hội cộng sản chủ nghĩa, để tạo điều kiện cho con người ngày càng phát triển toàn diện, là lý tưởng cao cả về mục tiêu tiến bộ xã hội trong hệ thống quan điểm của các nhà kinh điển mácxít. Lý tưởng tiến bộ xã hội ấy được thấm nhuần trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Song, tư tưởng Hồ Chí Minh về tiến bộ xã hội không đơn thuần chỉ là kết quả nhận thức, mà còn là kết quả từ sự hiện thực hoá lý tưởng ấy trong thực tiễn giải phóng dân tộc khỏi chế độ thực dân, phong kiến để giành lại nền độc lập dân tộc, giành lại địa vị làm chủ, sự tự do, sự công bằng và sự bình đẳng cho mỗi người dân; hướng đến mục tiêu xây dựng một xã hội mà ở đó, như C.Mác khẳng định, “con người, cuối cùng làm chủ tồn tại xã hội của chính

mình thì cũng do đó mà làm chủ tự nhiên, làm chủ cả bản thân mình, trở thành người tự do”(1). Với những nội dung đó trong tư tưởng Hồ Chí Minh về tiến bộ xã hội – kết quả từ việc tiếp thu, phát triển và vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác trong điều kiện thực tiễn ở Việt Nam – thực sự đã trở thành một hệ giá trị đặc trưng trong toàn bộ tư tưởng của Người. Vậy, nội dung chủ yếu trong tư tưởng Hồ Chí Minh về tiến bộ xã hội là gì? Và, những tư tưởng ấy đã được hiện thực hoá ra sao trong điều kiện xã hội Việt Nam?

Trong quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh khi bàn về quy luật khách quan của sự vận động và phát triển lịch sử xã hội theo hướng ngày càng tiến bộ hơn, Người đã căn cứ vào luận điểm của

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.
(1) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.19. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.333.

C.Mác về “sự phát triển của những hình thái kinh tế – xã hội là một quá trình lịch sử – tự nhiên”(2) để đi đến khẳng định: “Từ đời xưa đến nay, chế độ công cộng nguyên thủy sụp đổ do chế độ nô lệ thay thế. Chế độ nô lệ sụp đổ, do chế độ phong kiến thay thế. Chế độ phong kiến sụp đổ, do chế độ tư bản thay thế. Đó là *quy luật nhất định* trong sự phát triển của xã hội”(3). Nhấn mạnh đến quy luật khách quan ấy của lịch sử, Người còn khẳng định: “Phải hiểu rằng phong kiến cũng là bước tiến tất nhiên của xã hội. Xã hội từ ăn lông ở lỗ, tiến đến xã hội nô lệ, tiến đến chế độ phong kiến, tiến đến xã hội tư bản, rồi tiến đến xã hội chủ nghĩa”(4); và “từ cộng sản nguyên thủy đến chế độ nô lệ, đến chế độ phong kiến, đến chế độ tư bản, đến chủ nghĩa xã hội (cộng sản) – nói chung thì loài người phát triển theo quy luật nhất định như vậy”(5).

Các quan điểm trên chứng tỏ sự khẳng định của Hồ Chí Minh về *khuyh hướng* của sự vận động và phát triển của xã hội là *khuyh hướng* tiến bộ đi lên, thể hiện ở sự thay thế hình thái kinh tế – xã hội thấp bằng một hình thái kinh tế – xã hội cao hơn về chất.

Không chỉ vạch ra *khuyh hướng* của sự vận động và phát triển tất yếu của lịch sử theo hướng tiến bộ, Hồ Chí Minh còn chỉ ra *động lực* của sự vận động và phát triển ấy của xã hội. Động lực của lịch sử, theo quan niệm của Hồ Chí Minh, được bắt nguồn từ hoạt động thực tiễn của con người – những con người sống trong điều kiện hiện thực

của xã hội. Vậy con người với tư cách chủ thể của động lực phát triển xã hội được hiểu như thế nào? Theo Hồ Chí Minh, “Chữ người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng nữa là cả loài người”(6). Quan niệm về con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh sự thống nhất giữa cá nhân với dân tộc và cao hơn là cả loài người. Hơn nữa, bản chất ấy của con người luôn tiềm tàng một sức mạnh to lớn của một dân tộc nói riêng và của cả nhân loại nói chung trong tiến trình lịch sử.

Quan niệm về sức mạnh tiềm tàng của con người và dân tộc Việt Nam trong tư tưởng Hồ Chí Minh bắt nguồn từ sự hiểu biết sâu sắc của Người về truyền thống lịch sử của dân tộc, cũng như từ lịch sử truyền thống phương Đông về vị trí và vai trò của người dân, như “dĩ dân vi bản” (lấy dân làm gốc), “dân vi bang bản” (dân là gốc của nước), hay “dân vi quý” (dân đáng quý nhất). Có thể nói, trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, người dân thực sự được đặt lên vị trí hàng đầu và thể hiện được vai trò động lực của lịch sử với đúng nghĩa của nó.

Khẳng định vai trò động lực ấy của quần chúng nhân dân trong tiến trình vận động của lịch sử, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh, đây chính là một sức mạnh thực sự to lớn, bởi vì: “Lực lượng toàn

(2) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.23, tr.21.

(3) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.7. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.246.

(4) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.7, tr.54.

(5) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.7, tr.247.

(6) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.5. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.644.

dân là lực lượng vĩ đại hơn hết. Không ai chiến thắng được lực lượng đó”(7). Đặc biệt, theo Người, “sự đồng tâm của đồng bào đúc thành một bức tường đồng xung quanh Tổ quốc. Dù địch hung tàn, xảo quyết đến mức nào, đưng đầu nhằm bức tường đó, chúng cũng phải thất bại”(8).

Trên cơ sở nhấn mạnh nguồn sức mạnh của quần chúng nhân dân – sức mạnh của lòng dân, Hồ Chí Minh đặt vấn đề phải khơi nguồn sức mạnh to lớn đó bằng cách thực hiện sự *công bằng xã hội*. Trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, khi bàn về tiến bộ xã hội, Người luôn gắn khái niệm này với khái niệm công bằng xã hội. Với Hồ Chí Minh, công bằng xã hội không chỉ là *mục tiêu* của tiến bộ xã hội, mà còn là *động lực* của sự tiến bộ xã hội. Nói cách khác, chính động lực công bằng xã hội ấy đã quy định sự vận động của xã hội theo khuynh hướng tiến bộ. Vậy cụ thể trong tư tưởng Hồ Chí Minh, công bằng xã hội là gì? Và, vì sao công bằng xã hội lại đồng thời vừa là động lực, vừa là mục tiêu của tiến bộ xã hội? Hơn nữa, phải có điều kiện xã hội nào mới thực hiện được công bằng xã hội ở Việt Nam với tính cách mục tiêu của tiến bộ xã hội?

Trước hết, công bằng xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh được hiểu là việc thực hiện nghĩa vụ luôn phải được đảm bảo bằng những quyền lợi tương ứng. Nhưng hoạt động của con người bao giờ cũng diễn ra trong xã hội; do vậy, *cùng là nghĩa vụ và tương ứng với nó là quyền lợi nhất định mà người này được hưởng, thì ở người khác cũng phải được*

hưởng quyền lợi tương ứng như người kia nếu thực hiện nghĩa vụ tương tự.

Tuy nhiên, theo Hồ Chí Minh, thước đo tương ứng của sự công bằng (nghĩa là sự tương ứng về quyền lợi và nghĩa vụ như nhau ở mỗi người) chỉ thực sự có được trên cơ sở mọi người dân phải có địa vị làm chủ trong điều kiện của một nước độc lập. Người chỉ rõ, trong chế độ xã hội thực dân, phong kiến người dân không có địa vị làm chủ, nghĩa là hoàn toàn không có công bằng và bình đẳng xã hội; rằng, trong xã hội đó, “...nhân dân *chỉ có nghĩa vụ*, như nộp sưu đóng thuế, đi lính đi phu mà *không có quyền lợi*”(9). Trên thực tế, công nhân và nông dân là lực lượng chủ yếu sáng tạo nên những của cải vật chất trong xã hội và nhờ có sức lao động của họ, xã hội mới tồn tại, phát triển. Song, có một sự vô lý và bất công là những người lao động thì suốt đời nghèo khổ, trong khi một số ít người không lao động thì lại “ngồi mát ăn bát vàng”. Giải thích căn nguyên dẫn đến “nổi chướng công bằng này”, Người cho rằng, đó là “vì một số ít người đã chiếm làm tư hữu những *tư liệu sản xuất* của xã hội”(10). Đồng thời, Người vạch rõ, trong xã hội có giai cấp bóc lột thống trị, chỉ có lợi ích cá nhân của bọn thống trị là được thoả mãn, còn lợi ích cá nhân của quần chúng lao động thì bị giày xéo.

Từ những đánh giá và nhận định trên, Hồ Chí Minh đưa ra kết luận

(7) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.4, tr.20.

(8) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.151.

(9) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.7, tr.219.

(10) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.7, tr.203.

ràng, công bằng và bình đẳng xã hội thực sự chỉ có được trong chế độ xã hội mới; rằng, dưới chế độ dân chủ cộng hoà, “nhân dân có nghĩa vụ, đồng thời có quyền lợi”(11). Hơn nữa, sự công bằng và bình đẳng của chế độ xã hội chủ nghĩa còn được đảm bảo bằng những cơ sở vững chắc. Điều này thể hiện ở chỗ: “Nhà nước ta ngày nay là của tất cả những người lao động... Nhân dân lao động là những người chủ tập thể của tất cả những của cải vật chất và văn hoá, đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ”(12). Người khẳng định: “Chủ nghĩa xã hội là công bằng hợp lý: làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm thì không được hưởng”(13). Do đó, sự bình đẳng của những người lao động trong mối quan hệ giữa nghĩa vụ và quyền lợi, mà cụ thể là sự ngang bằng về địa vị làm chủ nước nhà, làm chủ tư liệu sản xuất là những điều kiện cơ bản hàng đầu mà chế độ xã hội mới tạo ra, bảo đảm cho mỗi người đều phát huy được mọi khả năng của mình để cùng vươn tới mục tiêu ấm no, hạnh phúc – mục tiêu của một xã hội tiến bộ.

Đặc biệt, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, điều kiện tiên quyết nhất để thực hiện được công bằng với tính cách mục tiêu của tiến bộ xã hội ấy là phải trên cơ sở giành lại và bảo vệ được chủ quyền quốc gia – chủ quyền nhân dân. Nhưng trước hết, chủ quyền quốc gia mà người Việt Nam có được, theo Người, không phải có nguồn gốc thần thánh, cũng không phải do ai ban tặng, mà đạt được bằng sự hy sinh xương máu của biết bao

thế hệ người Việt Nam.

Tư tưởng Hồ Chí Minh khẳng định chủ quyền quốc gia tạo cơ sở cho việc thực hiện mục tiêu công bằng và bình đẳng của tiến bộ xã hội được phản ánh sâu sắc trong bản *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Trong *Tuyên ngôn độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Lời bất hủ ấy ở trong Bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”(14). Do vậy, theo Người, mục tiêu tiến bộ xã hội không chỉ dừng lại ở việc thực hiện bình đẳng – cơ sở của công bằng xã hội – giữa những con người, mà hơn nữa còn là *quyền bình đẳng giữa các dân tộc*. Trên cơ sở đó, Người đã tuyên bố với thế giới: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập”(15). Việc thụ hưởng những thành quả của tự do, bình đẳng, vốn đạt được bằng chính sự hy sinh của cả một dân tộc, là một công lý mà không ai có thể phủ nhận được. Chính vì vậy, *chủ*

(11) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.7, tr.219.

(12) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.10, tr.310.

(13) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.9, tr.175.

(14) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.4, tr.1.

(15) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.4, tr.4.

quyền tối cao của Việt Nam thực sự là chủ quyền của nhân dân Việt Nam và đó cũng chính là thước đo cho tiến bộ xã hội của dân tộc Việt Nam trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp và giải phóng con người để giành lại địa vị làm chủ của người dân là điều kiện tiên quyết cho việc thực hiện công bằng xã hội. Nói cách khác, thực hiện công bằng xã hội trong điều kiện nước nhà độc lập sẽ tạo điều kiện cho việc phát huy vai trò làm chủ của người dân trong quá trình xây dựng đất nước, hướng đến mục tiêu, như Người từng nhấn mạnh, xây dựng một nước Việt Nam ngày càng đàng hoàng hơn, to đẹp hơn. Non sông Việt Nam có thể sánh vai với các cường quốc năm châu.

Hơn nữa, trong quá trình kiến thiết nước nhà với những mục tiêu nêu trên, Hồ Chí Minh luôn đánh giá cao vai trò của công bằng xã hội trong việc làm yên lòng dân và nhờ “yên được lòng dân” mà xã hội được ổn định để có điều kiện thuận lợi cho phát triển. Trong quan điểm của Người thì việc thực hiện công bằng xã hội là một *yêu cầu bức thiết*. Yêu cầu đó lại càng bức thiết hơn khi cuộc sống còn nhiều khó khăn, và động lực để thoát khỏi sự nghèo khó ấy không có cách nào khác ngoài xuất phát từ việc thực hiện được sự công bằng. Người từng căn dặn, có hai điều quan trọng phải nhớ:

“Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng;

Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên”(16).

Đặc biệt, trong hoàn cảnh đất nước còn nhiều khó khăn về kinh tế, nghĩa là chưa thể làm cho đời sống của nhân dân có ngay được sự no đủ, chúng ta không được coi việc thực hiện công bằng xã hội như là một *sự cào bằng trong nghèo khổ*. Người khẳng định: “Không phải chúng ta ham chuộng khổ hạnh và bản cùng. Trái lại, chúng ta phấn đấu hy sinh, vì chúng ta muốn xây dựng một xã hội ai cũng ấm no, sung sướng”(17). Do đó, cần thực hiện nguyên tắc: “Ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai làm ít thì ăn ít, ai không làm thì không ăn, tất nhiên là trừ những người già cả, đau yếu và trẻ con”(18). Hồ Chí Minh luôn giữ quan điểm nhất quán về công bằng và bình đẳng xã hội, kiên quyết chống lại sự đồng nhất tinh thần đồng cam cộng khổ với chủ nghĩa bình quân. Người nói: “Đồng cam cộng khổ là một tinh thần cần phải có, nhưng nếu bình quân chủ nghĩa thì lại không đúng. Bình quân chủ nghĩa là gì? Là ai cũng như ai, bằng hết... Bình quân chủ nghĩa là trái với chủ nghĩa xã hội, thế là không đúng”(19).

Như vậy, trong quan niệm của Hồ Chí Minh, công bằng và bình đẳng là một mục tiêu của sự nghiệp xây dựng chế độ xã hội mới. Nó không phải là chủ nghĩa bình quân cào bằng trong sự

(16) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.12, tr.185.

(17) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.7, tr.568.

(18) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.8, tr.226.

(19) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.8, tr.386.

nghèo khổ. Mục tiêu của chế độ xã hội mới là không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân, là phấn đấu:

“Làm cho người nghèo thì đủ ăn.

Người đủ ăn thì khá giàu

Người khá giàu thì giàu thêm”(20).

Những quan điểm trên đây của Hồ Chí Minh một lần nữa cho thấy, công bằng xã hội vừa mang ý nghĩa là *động lực* thúc đẩy sự phát triển của đất nước theo hướng tiến bộ, vừa mang ý nghĩa là mục tiêu của sự tiến bộ đó. Việc thực hiện công bằng xã hội kích thích mọi người, tùy theo khả năng, sức lực của mình, cùng tham gia xây dựng một cuộc sống mới, từng bước vươn tới xã hội cộng sản – một xã hội trong đó “*mọi người làm hết tài năng; ai cần dùng gì có lấy*”(21). Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, công bằng xã hội là nội dung căn bản cho việc hiện thực hoá những giá trị, lý tưởng cao cả về tiến bộ xã hội, để đưa dân tộc Việt Nam trở nên “một dân tộc giàu có về vật chất, mạnh về tinh thần, là một dân tộc văn minh tiến bộ”(22).

Kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng xã hội, Đảng ta luôn nhấn mạnh công bằng xã hội như một động lực và mục tiêu quan trọng trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. Cụ thể, trong Văn kiện Đại hội VIII nhấn mạnh: “Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển”(23); Đại hội IX tiếp tục khẳng định: “Tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội

ngay trong từng bước phát triển”(24); Văn kiện Đại hội X xác định rõ: “Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển”(25). Đặc biệt, cũng trên tinh thần ấy, trong Văn kiện Đại hội XI, Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định: “Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển là một chủ trương lớn, nhất quán của Đảng và Nhà nước ta, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa”(26).

Từ những chủ trương đúng đắn đó trên cơ sở vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về tiến bộ xã hội, chúng ta đang từng bước hiện thực hóa tiến bộ xã hội trong đời sống xã hội. Hiện thực ấy được thể hiện ở đời sống của nhân dân không ngừng được cải thiện cả về vật chất lẫn tinh thần, và đó cũng là điều kiện cho sự phát triển ngày càng toàn diện con người, phù hợp với mục tiêu tiến bộ xã hội nói chung và ở Việt Nam nói riêng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. □

(20) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.65.

(21) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.7, tr.245.

(22) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.642.

(23) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.115.

(24) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.88.

(25) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.77.

(26) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.43.